| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN X THÀNH PHỐ N** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 46/2022/ST-KDTM
Ngày: 23.8.2022
V/v: *tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ N**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: *Bà* **Phương T**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. *Bà* **Nguyễn Thị H**

2. Bà **Chu Thị T**

***- Thư ký phiên tòa***: *Bà* **Trần Thị Huyền T**

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X, thành phố N*** *tham gia phiên toà:* ***Bà Lý Thị P***- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận X, thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2022 về "*tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *229/2022*/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm *2022* giữa các đương sự:

**1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Q;** Trụ sở: Số XX Lê XX, quận G, thành phố N; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P – Tổng giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Lê Thanh N – Phó phòng THN Tố tụng

Địa chỉ gửi thư, tống đạt: Tầng 6 toà nhà XX, số 3 LX, phường LX, quận B, thành phố N.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lỗ C. Có mặt tại phiên tòa.

**1.2. Bị đơn: Công ty cổ phần N;** Trụ sở: Số ** ngách ** ngõ ***, phố Bùi XX, phường K, quận X, thành phố N; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng T – Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

**1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: **Công an tỉnh K**; Địa chỉ trụ sở: Số 1** Phan XX, phường T, thành phố K, tỉnh K. Ông Nguyễn Công T- Phó trưởng phòng hậu cần Công an tỉnh K được phân công tham dự phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Ngày 17 tháng 3 năm 2022 Ngân hàng thương mại Q (XX) có đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty cổ phần N, yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

**1.** Buộc Công ty cổ phần N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ tại Hợp đồng tín dụng số 67329.16.065.1200843.TD ký ngày 30/09/2016 và và Hợp đồng tín dụng số 28250.17.065.1200843.TD ký ngày 07/12/2017 là 11,809,069,754 đồng, trong đó nợ gốc là 7,748,009,582 đồng, Nợ lãi: 4,061,060,172 đồng (*tính đến hết ngày 14/03/2022)*;

**2.** Buộc Công ty cổ phần N thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp Đồng Tín Dụng số 67329.16.065.1200843.TD ký ngày 30/09/2016 và Hợp đồng tín dụng số 28250.17.065.1200843.TD ký ngày 07/12/2017 từ ngày 15/03/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

**3.** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho XX, tài sản bảo đảm là:

*Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công số 86/2016/HĐXD ngày 24/08/2016 về việc thi công xây dựng công trình Nhà công vụ công an tỉnh K giữa Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K*

*Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12.19.002.2487396.BĐ ngày 20/01/2020*

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần N đối với Ngân hàng XX. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng XX.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trong vụ án là Công ty cổ phần N; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công an tỉnh K đã được Tòa án nhân

dân quận X tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa… Tuy nhiên, các đương sự được thông báo đều không đến Tòa án, không gửi văn bản đến Tòa án nhân dân quận X.

* Nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Ngày 07.12.2017, Ngân hàng TMCP Q Chi nhánh H (sau đây gọi tắt là XX) và Bên vay là Công ty cổ phần N đã cùng ký kết các Hợp đồng tín dụng cùng khế ước nhận nợ như sau:

| **TT** | **Số hợp đồng tín dụng** | **Số khế ước** | **Số tiền giải ngân** | **Ngày giải ngân** | **Ngày đáo hạn** | **Mục đích vay vốn** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 28250.17.065.1200843.TD ký ngày 07/12/2017 | LD1907372036 | 1.510.000.000 | 14/03/2019 | 14/12/2019 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh |
| | | LD1909490200 | 1.049.375.900 | 04/04/2019 | 04/01/2020 | |
| | | LD1910296794 | 547.322.380 | 12/04/2019 | 13/01/2020 | |
| | | LD1910983131 | 459.229.600 | 19/04/2019 | 20/01/2020 | |
| | | LD1911332033 | 1.732.715.500 | 23/04/2019 | 23/01/2020 | |
| | | LD1912800099 | 2.348.616.242 | 08/05/2019 | 08/02/2020 | |
| | | LD1913705369 | 942.526.464 | 17/05/2019 | 17/02/2020 | |
| | | LD1913750370 | 809.000.000 | 17/05/2019 | 17/02/2020 | |
| | | LD1917567870 | 500.000.000 | 24/06/2019 | 24/03/2020 | |
| | | LD1908490053 | 1.085.707.100 | 25/03/2019 | 25/12/2019 | |
| | | LD1908812050 | 300.000.000 | 29/03/2019 | 30/12/2019 | |
| | | LD1911596743 | 300.000.000 | 25/04/2019 | 25/01/2020 | |
| | | LD1918572537 | 100.000.000 | 04/07/2019 | 04/04/2020 | |
| | | LD1918593026 | 440.000.000 | 04/07/2019 | 04/04/2020 | |
| | | LD1918644062 | 601.208.150 | 05/07/2019 | 06/04/2020 | |
| | | LD1919318846 | 200.000.000 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |
| | | LD1919320833 | 202.070.925 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 67329.16.065.12 00843.TD ký ngày 30/09/2016 | LD1919352936 | 200.000.000 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh |
| | | LD1919366621 | 400.000.000 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |
| | | LD1921299917 | 261.696.000 | 31/07/2019 | 02/05/2020 | |
| | | LD1925401386 | 150.777.042 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| | | LD1925409937 | 300.000.000 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| | | LD1925425352 | 159.137.000 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| | | LD1925498020 | 239.360.000 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| | | LD1925620923 | 400.810.800 | 13/09/2019 | 13/06/2020 | |
| | | LD1930403816 | 250.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| | | LD1930429533 | 310.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| | | LD1930440054 | 200.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| | | LD1930496351 | 220.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| | | LD1936100660 | 200.000.000 | 27/12/2019 | 28/09/2020 | |
| | | LD1936130700 | 301.964.080 | 27/12/2019 | 28/09/2020 | |
| | | LD1936131057 | 415.064.347 | 27/12/2019 | 28/09/2020 | |
| | | LD2002129276 | 150.000.000 | 21/01/2020 | 21/10/2020 | |
| | | LD2002173502 | 250.000.000 | 21/01/2020 | 21/10/2020 | |

2. Tài sản bảo đảm: *Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công số 86/2016/HĐXD ngày 24/08/2016 về việc thi công xây dựng công trình Nhà công vụ công an tỉnh K giữa Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K*

*Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12.19.002.2487396.BĐ ngày 20/01/2020*

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần N đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ cụ thể khoản vay đã chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu Bên vay trả nợ cho Ngân hàng thương mại Q xử lý theo đúng quy định nhưng Công ty cổ phần N đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên liên quan theo đúng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần N thanh toán trả cho, Ngân hàng thương mại Q (XX) nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng tín dụng số 67329.16.065.1200843.TD ký ngày 30/09/2016 và hợp đồng tín dụng số 1200843.TD ký ngày 07/12/2017; Các khế ước nhận nợ kèm theo, với tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23.8.2022 là: 12.177.343.774 đồng; trong đó nợ gốc: 7.748.009.582 đồng và nợ lãi trong hạn: 793.021.344 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 3.636.312.848 đồng; Công ty cổ phần N còn phải chịu lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 67329.16.065.1200843.TD ký ngày 30/09/2016 và hợp đồng tín dụng số 1200843.TD ký ngày 07/12/2017; Các khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong; trường hợp Công ty cổ phần N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại Q (XX) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là: *Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công số 86/2016/HĐXD ngày 24/08/2016 về việc thi công xây dựng công trình Nhà công vụ công an tỉnh K giữa Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K; Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12.19.002.2487396.BĐ ngày 20/01/2020*.

Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K cử người đến tham gia phiên tòa nhưng không có Giấy ủy quyền. Ông Nguyễn Công T, chức vụ: Phó trưởng phòng hậu cần Công an tỉnh K là người được phân công đến tham dự phiên tòa, có đề nghị được thay mặt Công an tỉnh K phát biểu ý kiến: Công an tỉnh K không có ý kiến gì về việc vay nợ giữa Công ty cổ phần N và Ngân hàng thương mại Q. Về công trình xây dựng nhà công vụ Công an tỉnh K, Công an tỉnh K đã nhận bàn giao từ Công ty cổ phần N, công trình đã đưa vào sử dụng và đã quyết toán xong, không còn vướng mắc gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận X, thành phố N phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu

cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Q. Buộc Công ty cổ phần N thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại Q (XX) nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng tín dụng số 67329.16.065.1200843.TD ký ngày 30/09/2016 và hợp đồng tín dụng số 1200843.TD ký ngày 07/12/2017; Các khế ước nhận nợ kèm theo, với tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23.8.2022 là: 12.177.343.774 đồng; trong đó nợ gốc: 7.748.009.582 đồng và nợ lãi trong hạn: 793.021.344 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 3.636.312.848 đồng; Công ty cổ phần N còn phải chịu lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 67329.16.065.1200843.TD ký ngày 30/09/2016 và hợp đồng tín dụng số 1200843.TD ký ngày 07/12/2017; Các khế ước nhận nợ cho đến khi thi hành án xong; không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là: *Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công số 86/2016/HĐXD ngày 24/08/2016 về việc thi công xây dựng công trình Nhà công vụ công an tỉnh K giữa Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K; Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12.19.002.2487396.BĐ ngày 20/01/2020*.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K được Tòa án Thông báo đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng không đến Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Quan điểm của người được Công an tỉnh K cử đến tham dự phiên tòa được Tòa án tham khảo trong quá trình đánh giá chứng cứ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tính pháp lý của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Giữa Ngân hàng thương mại Q Chi nhánh H (sau đây gọi tắt là XX) và Bên vay là Công ty cổ phần N đã cùng ký kết các thỏa thuận tín dụng như sau:

1. Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng thương mại Q số 6733.16.065.1200843.TT ngày 30.9.2016.

Hợp đồng cấp tín dụng số 67329.16.065.1200483.TD ngày 30.9.2016.

Thực hiện thỏa thuận và hợp đồng tín dụng này, giữa các bên đã ký kết các đề nghị giải Ngân kiêm khế ước nhận nợ như sau:

| **Số khế ước** | **Số tiền giải ngân** | **Ngày giải ngân** | **Ngày đáo hạn** | **Mục đích vay vốn** |
|---|---|---|---|---|
| LD1907372036 | 1.510.000.000 | 14/03/2019 | 14/12/2019 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh |
| LD1909490200 | 1.049.375.900 | 04/04/2019 | 04/01/2020 | |
| LD1910296794 | 547.322.380 | 12/04/2019 | 13/01/2020 | |
| LD1910983131 | 459.229.600 | 19/04/2019 | 20/01/2020 | |
| LD1911332033 | 1.732.715.500 | 23/04/2019 | 23/01/2020 | |
| LD1912800099 | 2.348.616.242 | 08/05/2019 | 08/02/2020 | |
| LD1913705369 | 942.526.464 | 17/05/2019 | 17/02/2020 | |
| LD1913750370 | 809.000.000 | 17/05/2019 | 17/02/2020 | |
| LD1917567870 | 500.000.000 | 24/06/2019 | 24/03/2020 | |
| LD1908490053 | 1.085.707.100 | 25/03/2019 | 25/12/2019 | |

2. Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng thương mại Q số 28266.17.065.1200843.TT ngày 07.12.2017.

Hợp đồng cấp tín dụng số 28250.17.065.1200843.TD ngày 07.12.2017.

Thực hiện thỏa thuận và hợp đồng tín dụng này, giữa các bên đã ký kết các đề nghị giải Ngân kiêm khế ước nhận nợ như sau:

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| LD1908812050 | 300.000.000 | 29/03/2019 | 30/12/2019 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh |
| LD1911596743 | 300.000.000 | 25/04/2019 | 25/01/2020 | |
| LD1918572537 | 100.000.000 | 04/07/2019 | 04/04/2020 | |
| LD1918593026 | 440.000.000 | 04/07/2019 | 04/04/2020 | |
| LD1918644062 | 601.208.150 | 05/07/2019 | 06/04/2020 | |
| LD1919318846 | 200.000.000 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |
| LD1919320833 | 202.070.925 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |
| LD1919352936 | 200.000.000 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |
| LD1919366621 | 400.000.000 | 12/07/2019 | 13/04/2020 | |
| LD1921299917 | 261.696.000 | 31/07/2019 | 02/05/2020 | |
| LD1925401386 | 150.777.042 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| LD1925409937 | 300.000.000 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| LD1925425352 | 159.137.000 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| LD1925498020 | 239.360.000 | 11/09/2019 | 11/06/2020 | |
| LD1925620923 | 400.810.800 | 13/09/2019 | 13/06/2020 | |
| LD1930403816 | 250.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| LD1930429533 | 310.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| LD1930440054 | 200.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| LD1930496351 | 220.000.000 | 31/10/2019 | 31/07/2020 | |
| LD1936100660 | 200.000.000 | 27/12/2019 | 28/09/2020 | |
| LD1936130700 | 301.964.080 | 27/12/2019 | 28/09/2020 | |
| LD1936131057 | 415.064.347 | 27/12/2019 | 28/09/2020 | |
| LD2002129276 | 150.000.000 | 21/01/2020 | 21/10/2020 | |
| LD2002173502 | 250.000.000 | 21/01/2020 | 21/10/2020 | |

Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các chủ thể theo đúng quy định của pháp luật, nội dung và hình thức phù hợp với pháp luật. Các bên tự nguyện giao kết và thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao kết hợp đồng của mình. Tại thời điểm ký kết, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Do Công ty cổ phần N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại Q (XX) khởi kiện yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo 02 Thỏa thuận tín dụng, hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toán bộ khoản nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Về số dư nợ đã được Tòa án công khai cho các đương sự trong vụ án thông qua: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo quyền, nghĩa vụ tố tụng; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hào giải, Công ty cổ phần N đã nhận được nhưng không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Cụ thể:

Dư nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm của ông Công ty cổ phần N như sau: tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23.8.2022 là: 12.177.343.774

đồng; trong đó nợ gốc: 7.748.009.582 đồng và nợ lãi trong hạn: 793.021.344 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 3.636.312.848 đồng.

Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi ngày 23.8.2022 do Ngân hàng cung cấp thì lãi suất được tính điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ của Ngân hàng thương mại Q (XX) đối với Công ty cổ phần N.

[3]**. Xét tính hợp pháp của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự bằng hình thức thế chấp;**

Để bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng, ngày 26.9.2016, giữa Ngân hàng thương mại Q (XX) (bên nhận thế chấp), Công ty cổ phần N (bên thế chấp) đã ký kết: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 66553.16.065.1200843.BĐ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quyền đòi nợ chính là một tài sản được quy định tại Điều 163 "Bộ luật dân sự 2015". Chủ sở hữu quyền đòi nợ có quyền dùng quyền đòi nợ để thế chấp nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Việc thế chấp quyền đòi nợ và xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ được quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng thương mại Q (XX) (bên nhận thế chấp), Công ty cổ phần N (bên thế chấp) là phù hợp với các quy định của pháp luật nên trường hợp Công ty cổ phần N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại Q (XX) có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ đối với Công an tỉnh K. Quyền đòi nợ cụ thể được xác định tại thời điểm thi hành án.

[4] Về các vấn đề khác của vụ án: Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công ty cổ phần N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại Q (XX), cụ thể:

Tổng số tiền phải thanh toán: **12.177.343.774 đồng** có án phí là 120.302.572 đồng.

Ngân hàng thương mại Q (XX) không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30,35, 36, 39, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Q (XX) đối với Công ty cổ phần N.

2- Buộc Công ty cổ phần N phải có nghĩa vụ trả nợ theo Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng thương mại Q số 6733.16.065.1200843.TT ngày 30.9.2016; Hợp đồng cấp tín dụng số 67329.16.065.1200483.TD ngày 30.9.2016; Thỏa thuận chung trong việc cấp và sử dụng các khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng thương mại Q số 28266.17.065.1200843.TT ngày 07.12.2017; Hợp đồng cấp tín dụng số

28250.17.065.1200843.TD ngày 07.12.2017 và các đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm 23.8.2022 là: 12.177.343.774 đồng (mười hai tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng); trong đó nợ gốc: 7.748.009.582 đồng (bảy tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu không trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi hai đồng) và nợ lãi trong hạn: 793.021.344 đồng (bảy trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng); lãi quá hạn: 3.636.312.848 đồng (ba tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần N tiếp tục phải trả nợp lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền nợ gốc cho Ngân hàng thương mại Q (XX).

3. Xác định Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 66553.16.065.1200843.BĐ ngày 26.9.2016 có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty cổ phần N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại Q (XX) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là: *Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng thi công số 86/2016/HĐXD ngày 24/08/2016 về việc thi công xây dựng công trình Nhà công vụ công an tỉnh K giữa Công ty cổ phần N và Công an tỉnh K; Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 12.19.002.2487396.BĐ ngày 20/01/2020*. Quyền đòi nợ cụ thể được xác định tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí: Công ty cổ phần N phải chịu 120.302.572 đồng (một trăm hai mươi triệu ba trăm linh hai nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại Q (XX) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại Q (XX) 59.904.535 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007532 ngày 29.3.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận X, thành phố N.

5. Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- Viện kiểm sát nhân dân quận X;*
*- Thi hành án dân sự quận X;*
*- Lưu.*

***Phương T***